

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng K, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TB.A, xã VC, huyện TS, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TB.A, xã VC, huyện TS, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Hồng K; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh K và chị T do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau năm 2004, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 01/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã VC, huyện TS. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính tình không hợp nhau nên

thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc vì không có sự đồng cảm, mặc dù đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục nhưng không được nên cả hai quyết định sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Trong thời gian không sống chung hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên anh K yêu cầu ly hôn với chị T.

- Về con chung: Quá trình chung sống có hai con chung tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 19/8/2005 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 25/5/2007. Khi ly hôn, tùy theo nguyện vọng của con, nếu con có nguyện vọng sống với anh thì anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Ngược lại, nếu con muốn sống với chị T thì anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để anh K và chị T thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng chị T vắng mặt nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về phía bị đơn là chị Trần Thị Mỹ T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với chị T. Về con chung, anh đồng ý nuôi hai con là Nguyễn Ngọc P và Nguyễn Thị Anh T, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Chị T vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng K, cho anh K ly hôn với chị T; Về con chung: Theo nguyện vọng của cháu P và cháu T muốn sống với cha nếu cha mẹ ly hôn, nên cần chấp nhận theo nguyện vọng của các cháu và sự tự nguyện của anh K, giao hai cháu P và T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Anh K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Hồng K và chị Trần Thị Mỹ T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (theo bản sao Trích lục kết hôn số 69/TLKH-BS ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã VC). Chị Trần Thị Mỹ T có hộ khẩu thường trú tại ấp TB.A, xã VC, huyện TS, tỉnh An Giang

nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, chị Trần Thị Mỹ T đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng chị T vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] *Xét việc tranh chấp*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã VC, huyện TS, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo anh K trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa. Mặc dù đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn nhưng vẫn không được nên anh và chị T đã không chung sống từ tháng 10/2019 đến nay. Trong thời gian chị T bỏ nhà đi, anh biết được chị T có người đàn ông khác, nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống và kéo dài hôn nhân nữa nên anh K yêu cầu ly hôn với chị T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để các đương sự hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng chị T vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

[3.2] Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị T không thể hàn gắn vì đời sống chung của vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian không chung sống cả hai cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm và theo anh K thì chị T đã có tình cảm với người khác. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K.

[4] *Về con chung*: Căn cứ trình bày của anh Nguyễn Hồng K và Biên bản xác minh ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án tại ấp TB.A, xã VC xác định anh K và chị T có hai con chung tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 19/8/2005 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 25/5/2007. Tòa án cũng đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu P và cháu T ghi nhận nguyện vọng của hai cháu muốn sống chung với cha nếu cha mẹ ly hôn và anh K cũng thống nhất chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội và quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận, giao cháu Nguyễn Ngọc P và Nguyễn Thị Anh T cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho anh K về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung nhưng anh K vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của anh K trong việc không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Theo trình bày của anh Nguyễn Hồng K không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Đối với chị Trần Thị Mỹ T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng

theo quy định nhưng chị T vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] *Về án phí:* Anh Nguyễn Hồng K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Trần Thị Mỹ T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng K.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Hồng K được ly hôn chị Trần Thị Mỹ T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 19/8/2005 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 25/5/2007 cho anh Nguyễn Hồng K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Mỹ T và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được nuôi con của anh Nguyễn Hồng K đối với cháu Nguyễn Ngọc P và Nguyễn Thị Anh T. Anh Nguyễn Hồng K và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Trần Thị Mỹ T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí:* Anh Nguyễn Hồng K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0001008 ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Chị Trần Thị Mỹ T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69 do Ủy ban nhân dân xã VC cấp ngày 01/9/2006 cho anh Nguyễn Hồng K và chị Trần Thị Mỹ T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND xã VC (1)
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mỹ Linh